

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2023.

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- TỈNH LÀO CAI.**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung;

2. Bà Vũ Thị Về.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2022/TLST- HNGĐ ngày 26/10/2022. Về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 12/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28/12/2022, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 01/QĐ- TA ngày 09/01/203, Giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC. Chỗ ở hiện nay: Thôn Ỏ, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh La Văn L, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng:

+ Bà Hoàng Thị Lịch, sinh năm 1970; Bà Sầm Thị Thân, sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ: Thôn Ỏ, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC.

+ Bà Hoàng Thị Pạ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn B 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC. Những người làm chứng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Hoàng Thị L trình bày, có yêu cầu: Ngày 04/01/2018, chị và anh La Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chềng Ken. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm đến ngày 25/5/2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã cho anh L nhiều cơ hội nhưng anh L vẫn giữ nguyên phong cách sống nên vợ chồng điều qua tiếng lại, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh L đã bị rạn nứt, không có cách nào Hn gắn tình cảm, gay gắt vào ngày 26/7/2021 chị bỏ về nH bố mẹ đẻ ở thôn Ỏ, xã Liêm Phú, huyện Văn Bàn sống tính đến nay khoảng 01 năm 05 tháng sống

ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm nên chị không có thai với anh L. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào Hn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh L. Tôi đề nghị đ- ợc ly hôn với anh La Văn L.

Về con: Chị Hoàng Thị L xác định, có 02 con chung là cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018; cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020. Hiện cháu Ch đang sống cùng chị, cháu H đang sống cùng anh L. Quá trình ly thân chị tự nhận nuôi cháu Ch, anh L nhận nuôi cháu H. Nay chị đề nghị Tòa giải quyết tiếp tục giao cháu H cho anh L, cháu Ch cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục đến tr- ởng thành 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh L cấp d- ỡng nuôi con cùng chị, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh L.

Về tài sản: Chị Hoàng Thị L xác định, vợ chồng không có tài sản riêng và tài sản chung. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị Hoàng Thị L xác định, chị và anh L không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai anh La Văn L trình bày: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Hoàng Thị L trình bày là đúng, anh không có ý kiến gì khác. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng điều qua tiếng lại nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn gay gắt nhất vào năm 2021 anh và chị L tự sống ly thân mỗi người một nơi, anh sống tại nH mẹ đẻ ở thôn Bể 3, xã Chèng Ken còn chị L sống tại thôn Ô, xã Liêm Phú tính đến nay khoảng 01 năm 05 tháng sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm nên chị L không có thai với anh. Mặc dù anh không còn cách nào để chị L về sống chung cùng anh. Tuy nhiên, anh có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng với chị L nhưng anh L không có cách nào để chị L Hn gắn tình cảm vợ chồng với anh. Nay anh vẫn còn tình cảm và không nhất trí ly hôn với chị L, mục đích đoàn tụ thì anh chưa tìm ra được cách gì để chị L về chung sống xây dựng hạnh phúc với anh. Đề nghị giải quyết cho đoàn tụ vợ chồng với chị Hoàng Thị L.

Về con: Anh và chị Hoàng Thị L có 02 con chung là cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018; cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020. Hiện cháu Ch đang sống cùng chị L, cháu H đang sống cùng anh đến nay cuộc sống của các con đã được đảm bảo ổn định. Quá trình ly thân chị L tự nhận nuôi cháu Ch, anh nhận nuôi cháu H. Nay chị L đề nghị ly hôn anh không nhất trí nên không yêu cầu Tòa giải quyết mà anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị L nuôi cháu Ch như hiện nay đến khi tr- ởng thành 18 tuổi. Do không nhất trí ly hôn nên không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Anh La Văn L xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Lời khai của người làm chứng về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa chị L và anh L thể hiện tại các bút lục số 27, 28, 30, 31, 32 xác định: “chị L và anh L hạnh phúc được khoảng 3 đến 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống đã được gia đình khuyên giải nhưng anh L vẫn giữ quan điểm sống

làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, gay gắt nhất vào giữa năm 2021 đến nay chị, anh tự sống ly thân mỗi người một nơi, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay khoảng hơn 01 năm nên tình cảm vợ chồng chị L và anh L khó có thể Hn gắn đoàn tụ vợ chồng được; có 02 con chung là cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018; cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020. Hiện cháu H đang sống cùng anh L, cháu Ch đang sống cùng chị L. Nếu họ cương quyết yêu cầu ly hôn nên tiếp tục giao cháu H cho anh L, cháu Ch cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục như hiện nay sẽ đảm bảo cuộc sống của các cháu. Đến nay cuộc sống của các con chị L và anh L đã đảm bảo ổn định về mọi mặt. Còn việc chị L và anh L có yêu cầu cấp dưỡng hay không thì cần tôn trọng quyết định của họ”.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L. Xử cho chị Hoàng Thị L đ- ợc ly hôn với anh La Văn L.

Về con: Giao cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018 cho anh L; giao cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Các đương sự không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bên nào.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh La Văn L không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị L giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Hoàng Thị L và anh La Văn L. Quá trình tiến Hnh tố tụng từ khi thụ lý đến nay anh L có mặt tại nơi cư trú thôn Bẻ 3, xã Chềng Ken đều được nghe đọc và tổng đạt các văn bản tố tụng và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ để anh L biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên, từ giai đoạn tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh L bỏ mặc, không hợp tác, cố ý không chấp Hnh, tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, trốn tránh nghĩa vụ công dân nhằm gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con với chị L. Do anh L không tham gia tố tụng tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và không gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, đến khi xét xử lần thứ nhất vào ngày 28/12/2022 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh L cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn tiến hành xét xử:

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L xác định, chị và anh La Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Chèng Ken. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến ngày 25/5/2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên điều qua tiếng lại, chửi mắng nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất vào ngày 26/7/2021, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ồ, xã Liêm Phú, huyện Văn Bàn sống tự chấm dứt mối quan hệ tình cảm, sống ly thân mỗi người một nơi, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 01 năm 04 tháng, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương, quý trọng của người chồng. Chị L yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh L mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh L như hiện nay. Xét thấy, chị L thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh L và anh L không hợp tác, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L đề nghị được ly hôn với anh La Văn L.

Về nuôi con chung: Mặc dù quá trình tham gia tố tụng chị L và anh L không thỏa thuận được việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, quá trình ly thân anh, chị đã tự giao con cho chị L nuôi cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020; anh L nuôi cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018 và đề nghị của anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị L nuôi cháu Ch như hiện nay đến khi trưởng thành 18 tuổi. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho cháu H và cháu Ch, cần chấp nhận đề nghị của chị L giao cháu H cho anh L, giao cháu Ch cho chị L là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của anh L và chị L. Anh L, chị L không bên nào phải thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ: Chị Hoàng Thị L, anh La Văn L đều xác định không có tài sản, không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Bị đơn anh La Văn L không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh La Văn L không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Hoàng Thị L đ- ợc ly hôn với anh La Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu La Thúy H, sinh ngày 23/02/2018 cho anh La Văn L; giao cháu La Quế Ch, sinh ngày 14/7/2020 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu H, cháu Ch trưởng tHnh đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh La Văn L và chị Hoàng Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không đ- ợc cản trở ng- ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004354 ngày 26/10/2022 của Ch cục thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh La Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Hoàng Thị L(01).
- Bị đơn anh La Văn L (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa

